

Số: /GPMT-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

(Cấp điều chỉnh lần 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp cho Công ty Cổ phần cao su Lai Châu thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su;

Xét Văn bản số 201/CSLC-KHKD ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Công ty Cổ phần cao su Lai Châu về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy chế biến mủ cao su tại xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3251/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cấp cho Công ty Cổ phần cao su Lai Châu (sau đây gọi là chủ dự án); địa chỉ tại đường Thanh Niên, tổ 5, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi

trường của Nhà máy chế biến mủ cao su tại xã Nậm Tăm, tỉnh Lai Châu (*sau đây gọi là cơ sở*), chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Công ty Cổ phần cao su Lai Châu tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Nậm Tăm tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường điều chỉnh này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; cử công chức kiểm tra thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở.

Điều 4. Giấy phép môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân xã Nậm Tăm;
- Công ty Cổ phần cao su Lai Châu;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- VP.UBND tỉnh: V1, Kt1, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

Phụ lục

NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

*(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số...../GPMT-UBND
ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

1. Điều chỉnh nội dung mục 2.2 Điều 2 Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu

“2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật; đồng thời rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để bảo đảm chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.”

2. Điều chỉnh nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục 2. Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải kèm theo Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 như sau:

“A. NỘI DUNG CẤP PHÉP

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy cao su.
- Nguồn số 02: Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu sinh khối (biomass), công suất thiết kế 3 tấn hơi/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng với ống khói của nhà máy, khí thải phát sinh từ quy trình sấy cao su (lò sấy). Toạ độ vị trí xả thải của ống thoát khí thải số 01: X=2465286; Y=543464; ống thoát khí thải số 02: X=2465278; Y=543467.

- Dòng khí thải số 02 tương ứng với ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Toạ độ vị trí xả thải: X= 2465259; Y= 543563.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 103⁰, múi chiều 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Lưu lượng xả khí thải tối đa dòng khí thải số 01: 20.000 m³/giờ.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa dòng khí thải số 02: 7.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (khi lò sấy hoạt động và bật quạt hút).

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (khi lò hơi hoạt động và bật quạt hút).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

- Chất lượng khí thải của lò sấy mũ cao su trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B; $K_v=1,4$; $K_p=0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	252	3 tháng/lần	Không quy định bắt buộc thực hiện
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	1.260		
3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	630		
4	Nitơ oxit, NO _x tính theo NO ₂	mg/Nm ³	1.071		
5	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	9,45		

- Chất lượng khí thải của lò hơi trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	CO	mg/Nm ³	350		
3	SO ₂	mg/Nm ³	250		
4	NO ₂	mg/Nm ³	300		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Toàn bộ khí thải từ lò sấy được đưa đến các thiết bị

tách bụi (muội) bằng lá chắn tại cửa ra của khí sấy, không để thoát khí thải ra ngoài tại công đoạn này. Sau khi được tách bụi sơ bộ, toàn bộ khí thải sẽ được hút bằng các quạt hút công nghiệp về hệ thống xử lý khí thải (tháp khử mùi) để xử lý trước khi xả ra môi trường.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ lò hơi tầng sôi sử dụng nhiên liệu sinh khối (biomass), công suất thiết kế 3 tấn hơi/giờ. Toàn bộ khí thải được thu gom kín từ buồng đốt, dẫn qua hệ thống xử lý khí thải (thiết bị xử lý bụi và các công đoạn xử lý liên quan) nhằm loại bỏ bụi và các thành phần ô nhiễm trước khi thải ra môi trường qua ống khói. Khí thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi xả thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải lò sấy.

+ Vị trí: Hệ thống xử lý khí thải (tháp khử mùi) sau lò sấy của quy trình sản xuất.

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Khí thải của lò sấy → tách bụi → tháp khử mùi số 01 → dòng khí thải chuyển động trong tháp khử mùi số 01 từ dưới đi lên → các chất ô nhiễm được hấp thụ bởi hoá chất được bơm vào trong tháp và lắng đọng xuống đáy thiết bị → sau đó dòng khí thải sang tháp khử mùi số 02 chuyển động trong tháp từ dưới đi lên → các chất ô nhiễm được hấp thụ bởi hoá chất được bơm vào trong tháp và lắng đọng xuống đáy thiết bị → khói thải khi qua 02 cyclon tiếp tục phản ứng, tách nước và khí → dòng khí sạch theo ống thoát khí xả ra môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: $\text{Ca}(\text{OH})_2$.

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

+ Vị trí: Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

+ Tóm tắt quy trình xử lý: Toàn bộ bụi, khí thải lò hơi → Đường ống thu gom → Tách bụi bằng thiết bị Cyclone lọc bụi khô dạng chùm (dòng khí thải chuyển động theo hình xoắn ốc với tốc độ cao bằng quạt hút, bụi được thu lại phía đáy thiết bị) → Dòng khí thải chuyển động qua bề đập bụi ướt → Các hạt bụi và chất ô nhiễm được giữ lại và lắng xuống đáy bể lắng → Dòng khí sạch sau xử lý theo ống khói thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng bắt buộc phải giám sát tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút, đảm bảo toàn bộ khí thải được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải. Trường hợp khí thải lò sấy chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường, hoặc khí thải lò hơi chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo QCVN 19:2024/BTNMT trước khi thải ra môi trường, chủ dự án phải ngừng ngay hoạt động gây ra xả khí thải để sửa chữa, khắc phục hệ thống xử lý khí thải đảm bảo theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Đối với hệ thống xử lý khí thải lò sấy

Hệ thống xử lý khí thải lò sấy mù cao su của cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm; cơ sở đã gửi báo cáo kết quả hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải lò sấy đến Sở Nông nghiệp và Môi trường và hiện nay đang vận hành ổn định. Nội dung đề nghị điều chỉnh của cơ sở là giảm lưu lượng khí thải lò sấy từ 25.000 m³/giờ xuống 20.000 m³/giờ, không làm phát sinh công trình xử lý khí thải mới. Do đó, hệ thống xử lý khí thải lò sấy mù cao su không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2.2. Đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 3 tấn hơi/giờ.

- Thời gian vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải lò hơi: Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, cụ thể: Chủ dự án quyết định và tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm và bảo đảm thời gian, tần suất quan trắc chất thải theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi tổng, SO₂, CO, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C).

- Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án thực hiện giám sát các thông số ô nhiễm trong khí thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý khí thải; chất lượng khí thải lò hơi trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột C) theo nội dung được cấp phép, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	60
2	CO	mg/Nm ³	350
3	SO ₂	mg/Nm ³	250
4	NO ₂	mg/Nm ³	300

- Tần suất lấy mẫu: Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) gồm: việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải.”

3. Điều chỉnh nội dung về đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

Điều chỉnh nội dung tại Phụ lục 3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 như sau:

“A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất (Băng tải, máy cắt, máy băm, máy cán, máy ép, lò sấy, quạt, máy bơm).

- Nguồn số 02: Hoạt động của các thiết bị như quạt, máy bơm của lò hơi.

(Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 103^0 múi chiếu số 3^0)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện: X=2465246; Y=543522.

- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện: X= 2465257; Y= 543559.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 103^0 , múi chiếu 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung:

- Đối với nguồn số 01:

+ Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 06 giờ đến	Từ 21 giờ đến 06	Tần suất quan trắc	Ghi chú
----	---------------	------------------	--------------------	---------

	21 giờ (dBA)	giờ (dBA)	định kỳ	
1	70	55	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực thông thường

+ Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực thông thường

- Đối với nguồn số 02:

+ Tiếng ồn: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Bảng 3. Giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh từ các nguồn khác).

TT	Từ 06 giờ đến 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	65	60	55	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực D, E (Cơ sở sản xuất)

+ Độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Bảng 3. Giá trị tối đa cho phép đối với mức rung phát sinh từ các nguồn khác).

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 06 giờ		
1	70	65	Không quy định bắt buộc thực hiện	Khu vực D (Khu sản xuất)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn, độ rung.”

3. Điều chỉnh yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Điều chỉnh khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Mục 1.2 Phần A Phụ lục 4 Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 như sau:

“1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Cao su kém chất lượng	3
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	8,4
3	Bao bì, thùng carton	1,5
4	Tro và bụi bay	30
5	Xi đáy lò	12
6	Bùn lắng của hệ thống xử lý khí thải	6

- Điều chỉnh, bổ sung mục 2.2.4 Phần A Phụ lục 4 Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 như sau:

“ 2.2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ tro, bụi bay và xi đáy lò: Bố trí 01 kho kích thước dài x rộng x cao = 4 m x 4 m x 3,5 m đảm bảo có tường bao, nền xi măng chống thấm, có gờ tại cửa kho, có mái che, cửa đóng kín đảm bảo không phát tán ra môi trường.”

4. Các điều chỉnh khác về bảo vệ môi trường

Điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Phần D Phụ lục 5 Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 như sau:

“4. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ quá trình vận chuyển nguyên liệu mủ cao su về Nhà máy chế biến mủ cao su Lai Châu: Mủ cao su phải được đựng trong túi ni lông dày, lót bạt thùng xe, phủ bạt kín, mủ cao su phải được vận chuyển bằng xe chuyên dụng hoặc xe có thùng kín, có biện pháp thu gom nước rỉ từ mủ nguyên liệu đảm bảo không rò rỉ, phát tán nước rỉ từ mủ cao su ra khỏi thùng xe, không phát tán mùi hôi thối trong quá trình vận chuyển, nhất là khu vực dân cư.

5. Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ lưu trữ nguyên liệu mủ cao su trước khi chế biến (sơ chế): Tuyệt đối không lưu trữ mủ cao su khu vực bên ngoài nhà kho chứa nguyên liệu; thực hiện lưu trữ nguyên liệu mủ cao su trong

ngày (*không lưu trữ mũ cao su quá 24 giờ trước khi chế biến*); chứa mũ cao su trong bao ni lông dày, kín để đảm bảo giảm thiểu phát tán mùi; kho chứa có mái che kín, có tường bao phù hợp, nền có khả năng chống thấm, có biện pháp đảm bảo không cho nước mưa chảy tràn vào kho; toàn bộ nước rỉ từ nguyên liệu mũ cao su (nếu có) phải được thu gom bằng hệ thống mương kín dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

6. Sàn tại xưởng sản xuất có độ nghiêng phù hợp, đảm bảo nước thải sản xuất không bị ứ đọng trên sàn, toàn bộ nước thải được thu gom bằng hệ thống rãnh kín để giảm thiểu mùi hôi của nước thải; xưởng sản xuất được xây tường bao phù hợp, lợp mái kín, đảm bảo môi trường sản xuất, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.”

5. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo

5.1. Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 1279/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023.

5.2. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quy định của chính quyền địa phương và các quy định của pháp luật khác có liên quan./.